

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2021/DS-PT
Ngày: 08-9-2021
V/v *Tranh chấp hợp đồng dân sự
(vay tiền)*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Như

Các Thẩm phán: Ông Nông Hà Nam

Ông Ngôn Ngọc Viên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa:
Bà Đoàn Thị Chinh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 08 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLPT-DS ngày 03 tháng 8 năm 2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự (vay tiền)*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 29 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng bị kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 77/2021/QĐ-PT ngày 23 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Lãng Văn H, sinh năm 1987

Địa chỉ: Xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C; có mặt

- Bị đơn: Phùng Thị M và Nông Văn Th

Cùng địa chỉ: Xóm P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C; chị M và anh Th cùng có mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Lý Thị H1

Địa chỉ: Xóm P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C; có mặt

- *Viện kiểm sát kháng nghị:* Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn Lãng Văn H trình bày:

Về mối quan hệ: Ông Lãng Văn H, bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th không có quan hệ họ hàng, mà chỉ quen biết.

Về việc vay tiền: Ông Lãng Văn H khai, ngày 05 tháng 10 năm 2018, ông H cho bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th vay số tiền 219.000.000,đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*) để giải quyết công việc gia đình (Trả Ngân hàng) và hẹn sẽ trả trong vòng 03 (ba) tháng kể từ ngày Hợp đồng được công chứng (ngày 05/10/2018), đến nay đã quá hạn rất lâu bà M, ông Th vẫn chưa trả được tiền cho ông, ông đã nhiều lần yêu cầu bà M, ông Th trả tiền nhưng bà M, ông Th không trả được tiền và cũng không lấy tài sản riêng để thanh toán cho ông như đã cam kết trong hợp đồng cho vay và vay tiền.

Trong quá trình vay mượn tiền ông H có giữ 01 (một) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở của bà M, ông Th.

Nay ông H khởi kiện yêu cầu bà M, ông Th trả đủ số tiền gốc 219.000.000,đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*) và khoản tiền lãi theo mức lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam. Ngoài ra ông không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Bị đơn: Phùng Thị M và Nông Văn Th trình bày: Tại văn bản các ngày 04/3/2021 và ngày 06/4/2021 bà M và ông Th khai bà M, ông Th có được vay mượn tiền của ông H (không nhớ ngày tháng vay). Khi bà M cùng bà H1 đến nhà H vay tiền có thỏa thuận vay 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*) và có đưa cho H 01 GCNQSD đất đứng tên hộ ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M nên ông H không cho bà M nhận hết số tiền 100.000.000,đ mà chỉ cho bà M nhận 50.000.000,đ vào buổi tối, sáng ngày hôm sau ông Nông Văn Th cùng bà H1 đến nhà ông H nhận tiền vay 50.000.000,đ, tổng cộng số tiền ông Th, bà M vay là 100.000.000,đ (*Một trăm triệu đồng*). Khi vay mượn tiền ông H có 01 văn bản

vay mượn tiền do ông H giữ, bà M, ông Th không được giữ bản nào, do vậy ông Th, bà M không có văn bản gì cung cấp cho Tòa án để làm căn cứ chứng minh cho việc vay mượn tiền là 100.000.000,đ, khi vay hai bên không thỏa thuận lãi suất và bà M có đưa cho ông H 01 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BB 997590, UBND huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09 tháng 5 năm 2011 đứng tên hộ ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M, địa chỉ Xóm P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C để làm tin. Khi vay tiền hai bên có thỏa thuận vay 20 ngày đến 01 tháng, sau đó do không trả được tiền hai bên gia hạn vay thêm ba tháng, khi gia hạn vay ông H có yêu cầu ông Th, bà M cùng đến thành phố Cao Bằng để lập Hợp đồng cho vay và vay tiền tại Văn phòng công chứng H2, trụ sở: Tổ 4, phường G, thành phố C, tỉnh C vào ngày 05/10/2018, cả ông Th và bà M cùng ông H lên Thành phố Cao Bằng lập Hợp đồng vay mượn tiền và cùng ký vào Hợp đồng vay mượn với số tiền là 219.000,đ (*Hai trăm mười chín triệu đồng*). Việc lập hợp đồng vay mượn bà M, ông Th khai không biết tại sao trong hợp đồng lại ghi số tiền là 219.000.000,đ, ông, bà chỉ nghĩ rằng chắc là do không trả được lãi nên ông H đã cộng tiền lãi vào tiền gốc. Nay ông H khởi kiện yêu cầu vợ chồng ông Th, bà M trả số tiền 219.000.000,đ là không có, nên ông Th, bà M không nhất trí với yêu cầu của ông H. Bởi khi lập Hợp đồng xong ông Th, bà M không được nhận thêm khoản tiền nào với ông H ngoài lần vay mượn trên vợ chồng ông Th, bà M khẳng định chỉ được vay đúng 100.000.000,đ, việc vay mượn tiền có bà Lý Thị H1 người cùng thôn P làm chứng. Ông Th, bà M nhất trí trả ông H 100.000.000,đ tiền gốc và khoản tiền lãi theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Đối với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Số: BB 997590, UBND huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09 tháng 5 năm 2011 đứng tên hộ ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M, địa chỉ Xóm P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Tại phiên tòa ông Th, bà M có yêu cầu ông H trả lại GCNQSD đất trên. Ngoài ra ông Th, bà M không trình bày và yêu cầu gì thêm.

Người làm chứng Lý Thị H1 trình bày: Việc vay mượn tiền giữa ông H, bà M, ông Th bà được chứng kiến bởi ông Th, bà M không biết nhà ông H nên vào một buổi tối bà M có nhờ bà H1 đi cùng đến nhà ông H để vay tiền (ngày tháng vay không nhớ). Khi vay tiền bà M có yêu cầu vay 100.000.000,đ. Nhưng chỉ có bà M đi vay ông Th không đi cùng để ký vào văn bản vay tiền, nên ông H chỉ cho bà M vay 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng), đến sáng hôm sau bà H1 lại cùng ông Th đến nhà ông H lấy tiếp 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng). Tổng cộng

100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn). Ông H đếm tiền đưa cho bà M, ông Th bà H1 cũng có mặt và nhìn thấy ông H đếm tiền và đưa cho bà M, ông Th và nói với ông Th, bà M đây là 50.000.000,đ (Năm mươi triệu đồng), và ông H có lập một văn bản và đưa cho ông Th, bà M ký nhưng chỉ lập một bản do ông H giữ, ông Th, bà M không được giữ bản nào. Còn đối với Hợp đồng vay tiền bà H1 không được chứng kiến nhưng bà có được nghe bà M nói lại rằng hôm nay ông H có gọi ông bà lên thành phố Cao Bằng lập Hợp đồng vay tiền nhưng không biết tại sao ông H lại ghi số tiền là 219.000.000,đ (Hai trăm mười chín triệu). Bà M còn được nói với bà H1 chắc là do không trả được lãi nên bị ông H cộng tiền lãi và tiền gốc rồi. Nay ông H yêu cầu bà M, ông Th trả 219.000.000,đ (Hai trăm mười chín triệu) là không đúng. Bà H1 Khẳng định bà M, ông Th vay tiền với ông H đúng 100.000.000,đ (Một trăm triệu đồng chẵn) tiền gốc. Ngoài ra bà không trình bày gì thêm.

Ngày 08/4/2021 Tòa án nhân dân huyện Thạch An đã ra thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th đến tham gia phiên họp vào ngày 16/4/2021, nhưng bà M, ông Th vắng mặt không có lý do, nên Tòa án đã ra thông báo hoãn phiên họp và ấn định thời gian mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bà M, ông Th đến tham gia phiên họp vào ngày 07/5/2021, nhưng bà M, ông Th vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng đã:

Căn cứ các Điều: 166, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 147 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 2 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 và điểm b khoản 1 phần II, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Lăng Văn H đối với bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th.

[2]. Buộc bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th phải có trách nhiệm liên đới trả đủ số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn là 141.187.500,đ (Một trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi bảy nghìn năm trăm đồng).

[2.1]. Buộc ông Lăng Văn H phải trả GCNQSD đất số BB 997590 đứng tên ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M

[3]. Về án phí:

Bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th là hộ nghèo do vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Lăng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là $119.000.000,đ \times 5\% = 5.950.000,đ$ sung Ngân sách Nhà nước.

Xác nhận ông Lăng Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 5.000.000,đ (Năm triệu đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2016/0000684, ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Nay ông H còn phải nộp 950.000,đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 15/7/2021 Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An ra quyết định kháng nghị với nội dung như sau: Kháng nghị đối với Bản án số 04/2021/TCDS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng về phần bác yêu cầu của ông Lăng Văn H đối với số tiền 119.000.000đ (một trăm mười chín triệu đồng).

Tại phiên tòa phúc thẩm, viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng vẫn giữ nguyên nội dung kháng nghị đề nghị cấp phúc thẩm xử buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền đã vay là 219.000.000đ (hai trăm mười chín triệu đồng) theo hợp đồng đã ký kết ngày 05/10/2018.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn có ý kiến: Do gia đình phía bị đơn khó khăn nên tôi chỉ yêu cầu phía nguyên đơn chỉ phải trả cho gia đình tôi 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và số tiền lãi là 41.185.500 đồng như bản án sơ thẩm đã tuyên.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị đơn có ý kiến trình bày: Nhất trí như ý kiến của nguyên đơn, hiện nay gia đình rất khó khăn nên sẽ cố gắng trả cho nguyên

đơn trong vòng 06 tháng, chậm nhất là 6 tháng sau sẽ trả hết số tiền 141.185.500 đồng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về đường lối giải quyết: đề nghị HĐXX Áp dụng điều 300, điều 308, khoản 1 điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, sửa bản án DSST số 04/2021/TCDS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ và thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự, ý kiến phát biểu của kiểm sát viên và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa.

[1] Tòa án cấp sơ thẩm thực hiện và tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong việc thụ lý, xác định thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập và giao nộp chứng cứ, trình tự và thủ tục phiên tòa sơ thẩm. Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát trong thời hạn luật định, nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] *Xét kháng nghị của Viện kiểm sát và các căn cứ kháng nghị:*

Hội đồng xét xử xét thấy, Việc ông Lăng Văn H cho bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th vay tiền thể hiện tại hợp đồng cho vay và vay tiền giữa bên cho vay là ông Lăng Văn H và bên vay là bà Phùng Thị M, ông Nông Văn Th. Hợp đồng được ký kết tại văn phòng công chứng H2, hợp đồng số 1160/2018 ngày 05/10/2018 với nội dung ông H cho bà M và ông Th vay số tiền 219.000.000đ (*hai trăm mười chín triệu đồng*), thời hạn vay 03 tháng, không có điều khoản quy định về lãi suất. Trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm cả hai bên đương sự đều khẳng định được trực tiếp ký kết hợp đồng tại văn phòng công chứng H2. Do vậy hợp đồng vay tiền

ngày 05/10/2018 là hợp pháp, đúng quy định của pháp luật. Việc Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cho rằng hợp đồng vay tiền trên chỉ là sự thỏa thuận nhất trí về việc vay mượn tiền chứ trong hợp đồng không thể hiện về việc đã giao tiền cũng như không có phụ lục giao tiền là không đúng quy định của pháp luật. bởi lẽ hợp đồng số 1160/2018 ngày 05/10/2018 được ký kết tại phòng công chứng H2 là có giá trị pháp lý và có hiệu lực pháp luật. Việc bị đơn ký nhận vào Hợp đồng thì bị đơn phải chịu trách nhiệm về chữ ký của mình. Xét yêu cầu khởi kiện của ông Lăng Văn H đề nghị bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th trả số tiền 219.000.000đ (*hai trăm mười chín triệu đồng*) theo hợp đồng cho vay và vay tiền có số công chứng 1160/2018 ngày 05/10/2018 của Văn Phòng Công chứng H2 là có căn cứ chấp nhận.

Đối với GCNQSD đất số BB 997590, mà UBND huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 09 tháng 5 năm 2011 đứng tên hộ ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M, địa chỉ Xóm P, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C. Tuy ông Th, bà M có mang theo để làm tin trong việc vay mượn tiền và trong Hợp đồng cho vay và vay tiền không thể hiện khi vay tiền phải có tài sản thế chấp mà hợp đồng chỉ thể hiện *“trong trường hợp đến hạn trả nợ nếu bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th không trả được nợ hoặc có trả nhưng trả không hết nợ, thì bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th cam kết sử dụng toàn bộ tài sản riêng của mình để đảm bảo cho việc trả nợ cho ông Lăng Văn H”*. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không phải là tài sản. Xét yêu cầu của bà M, ông Th được trả lại GCNQSD đất là có căn cứ chấp nhận.

Đối với khoản tiền lãi trong hạn từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/01/2019 ông Lăng Văn H yêu cầu bà M và ông Th phải trả cho ông H, HĐXX xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp sơ thẩm các bên đương sự đều khai rằng khi cho vay và vay tiền không thỏa thuận về lãi suất và tại hợp đồng vay tiền ngày 05/10/2018 cũng không có điều khoản thỏa thuận về lãi suất, do vậy đối với yêu cầu tính lãi suất trong hạn từ ngày 05/10/2018 đến ngày 05/01/2019 của ông H cấp sơ thẩm không chấp nhận là có căn cứ đúng quy định của pháp luật.

Về tính tiền lãi: Theo quy định tại khoản 1 điều 5 nghị quyết số 01/2019 ngày 11/01/2019 quy định *“hợp đồng vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì theo yêu cầu của bên cho vay, Tòa án xác định bên vay phải trả tiền lãi trên nợ gốc quá hạn theo mức lãi xuất quy*

định tại khoản 2 điều 468 của BLDS 2015 trên số tiền chậm trả thời điểm trả nợ tương ứng với thời gian chậm trả tiền gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác”

Về việc tính lãi quá hạn: Tại điểm c khoản 1 điều 5 cũng quy định rõ” *Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả bằng 150% mức lãi xuất vay do các bên thỏa thuận trong hợp đồng tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Mức lãi xuất trên nợ gốc quá hạn do các bên thỏa thuận không được vượt quá 150% mức lãi xuất quy định tại khoản 1 điều 468 Bộ luật dân sự 2015.”* như vậy việc cấp sơ thẩm tính lãi xuất theo văn bản số 24/NHNo.TA-KHKD ngày 23/4/2021 theo từng mốc thời gian như vậy là không đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích và nhận định nêu trên. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ để chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát. Cần sửa bản án dân sự sơ thẩm số 04/2021/TCDS-ST của Tòa án nhân dân huyện Thách An, tỉnh Cao Bằng.

Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay giữa nguyên đơn và bị đơn cùng nhau thống nhất và thỏa thuận về việc thanh toán tiền như sau: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền là 141.185.500 đồng theo kết quả của bản án sơ thẩm đã tuyên. Bị đơn nhất trí với yêu cầu của nguyên đơn, hẹn chậm nhất là 6 tháng sau (đến ngày 8/3/2022) sẽ trả hết số tiền 141.185.500 đồng cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên cần ghi nhận.

Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ Điều 12; Khoản 4 Điều 26, khoản 5 điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do các bên đương sự tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên các bên đương sự cùng phải chịu 5% tiền án phí dân sự có giá ngạch của số tiền 141.185.500 đ (*một trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi năm ngàn*

năm trăm đồng) là 7.059.200đồng. Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn và bị đơn cùng thỏa thuận nhất trí bị đơn phải chịu án phí có giá ngạch là 7.059.200đ, xét thấy sự thỏa thuận của các bên đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên cần được ghi nhận. Tuy nhiên Bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th là hộ nghèo do vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308, điều 300, Điều 147, 148 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 465 , 466 và 468 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điểm đ khoản 2 Điều 12; Khoản 4 Điều 26 ; khoản 5 điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận quyết định kháng nghị số 01/QĐKNPT - VKS - DS ngày 13/7/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Sửa bản án sơ thẩm số 04/2021/DS-ST ngày 29/6/2021 của Tòa án nhân dân huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm như sau:

Bị đơn Phùng Thị M, Nông Văn Th có trách nhiệm liên đới hoàn trả số tiền 141.185.500 đ (*một trăm bốn mươi một triệu một trăm tám mươi năm ngàn năm trăm đồng*) cho nguyên đơn anh Lăng Văn H (trú tại: Xóm C, thị trấn Đ, huyện T, tỉnh C) Cụ thể bà Phùng Thị M phải trả là 70.592.750 đồng; Ông Nông Văn Th phải có trách nhiệm trả là 70.592.750 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải

chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Anh Lãng Văn H có trách nhiệm trả GCNQSD đất số BB 997590 vào sổ số CH01585 do UBND huyện Thạch an cấp ngày 09 tháng 5 năm 2011 đứng tên ông Nông Văn Th và bà Phùng Thị M cho bị đơn Nông Văn Th và bà Phùng Thị M.

3. Về án phí:

- Bà Phùng Thị M và ông Nông Văn Th là hộ nghèo do vậy không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch để sung công quỹ nhà nước.

- Ông Lãng Văn H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch của số tiền không được cấp sơ thẩm chấp nhận là $119.000.000,đ \times 5\% = 5.950.000,đ$ sung Ngân sách Nhà nước. Xác nhận ông Lãng Văn H đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là: 5.000.000,đ (Năm triệu đồng chẵn) theo biên lai số: AA/2016/0000684, ngày 05 tháng 01 năm 2021, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Thạch An, tỉnh Cao Bằng. Nay ông H còn phải nộp 950.000,đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tiền án phí dân sự sơ thẩm sung Ngân sách Nhà nước.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh CB;
- TAND huyện TA;
- Chi cục THADS huyện TA;
- Các đương sự;
- Lưu hs;
- Lưu án văn.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Như

